

Số: /TB-KSBT

Phú Yên, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá hoá chất xét nghiệm nước

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên có Thông báo số 85/TB-KSBT về việc mời báo giá hoá chất xét nghiệm nước. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa đủ báo giá làm cơ sở để xây dựng giá dự toán gói thầu.

Nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên tiếp tục Thông báo thời gian yêu cầu báo giá (Lần 2) để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm nước, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.
- Thông tin liên hệ của bộ phận chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Bộ phận văn thư, Phòng Tổ chức – Hành chính thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên (Hoặc Khoa Dược – Vật tư y tế, số điện thoại 0982380077).
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.
Địa chỉ: đường Nguyễn Thế Bảo, phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
 - Yêu cầu báo giá phải đựng trong bao bì kín, niêm phong và ghi nhãn là: Thư chào giá hoá chất xét nghiệm nước theo số Thông báo này.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 30 tháng 7 năm 2024 đến trước 17 giờ ngày 09 tháng 8 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hoá chất xét nghiệm nước (Theo Phụ lục 1)
- Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hoá chất:
 - Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên, đường Nguyễn Thế Bảo, phường 9, Tp. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

+ Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

+ Thời hạn thanh toán: Không quá 60 ngày kể từ ngày cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

5. Thông tin khác: Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp đầy đủ thông tin (*Theo mẫu Phụ lục 2*).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD (*để biết*);
- Khoa TT GDSK đăng web CDC, cổng TT SYT;
- Lưu: VT; khoa Dược-VTYT, (Ha).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Duy Thuận

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC

(Kèm theo Thông báo số: /TB-KSBT ngày / /2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên)

| STT | Danh mục hàng hoá | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 01 | Chuẩn gốc nitrit NO_2^- 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 02 | Chuẩn gốc Mn^{2+} 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 03 | Chuẩn gốc sắt Fe 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | chai | 01 |
| 04 | Chuẩn gốc sunfat SO_4^{2-} 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 05 | Chuẩn gốc amoni NH_4^- 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 06 | Chuẩn gốc nitrat NO_3^- 1mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 07 | Chuẩn gốc Florua F^- 1 mg/ml | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 08 | Chất chuẩn acid oxalic 0,1N | 1000ml/ống. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | ống | 01 |
| 09 | Chất chuẩn EDTA Na_2 0,1N | 1000ml/ống. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | ống | 01 |
| 10 | Dung dịch buffer solution pH7 | 250ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 11 | Dung dịch buffer solution pH4 | 250ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 12 | Dung dịch Potassium permanganate 0,1N | 1000ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 13 | Acid hydrochloride HCl đậm đặc | 1000ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 14 | 1,10 phenanthroline-monohydrate | 50g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 15 | Phenolphthalein | 50g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 16 | Sodium hydroxit NaOH | 1000g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 17 | Bari Clorua BaCl_2 | 250g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 18 | Natri nitrua NaN_3 | 100g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 19 | Acid acetic đậm đặc | 1000 ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 20 | Ammonium acetate | 500g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | chai | 02 |
| 21 | Chất chuẩn AgNO_3 0,1 N | 1000ml/ống. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | ống | 01 |
| 22 | Thuốc thử Nessler' reagent | 250ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | chai | 01 |

| STT | Danh mục hàng hoá | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 23 | SPADNS Thuốc thử Florua | 500ml/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 24 | Acid sulfuric H ₂ SO ₄ đậm đặc | 1000 ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 25 | CaCO ₃ | 250g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 26 | MgCl ₂ .7H ₂ O | 250g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 27 | EDTANa ₂ .2H ₂ O | 250g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | chai | 01 |
| 28 | HgSO ₄ | 250g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 29 | AgNO ₃ | 5g/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 30 | Hydro peroxide H ₂ O ₂ | 250 ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 01 |
| 31 | Ammonium chloride NH ₄ Cl | 500g/ chai. Hạn sử dụng tối thiểu 36 tháng | chai | 01 |
| 32 | Lauryl sulfate broth (LST) | 500g/hộp. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | hộp | 10 |
| 33 | EC broth | 500g/hộp. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | hộp | 05 |
| 34 | Trypton broth | 500g/hộp. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | hộp | 01 |
| 35 | Thuốc thử Kovac`s | 100ml/chai. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | chai | 05 |
| 36 | Tryptone Soya Agar (TSA) | 500g/hộp. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | hộp | 01 |
| 37 | Pepton from casein | 500g/hộp. Hạn sử dụng tối thiểu 24 tháng | hộp | 01 |
| 38 | Test thử oxidase | 100 test/lọ. Hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng | lọ | 01 |
| 39 | Bộ định danh vi khuẩn gram âm | 20 test/bộ. Hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng | bộ | 01 |
| | Tổng cộng: 39 khoản | | | |

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số:/TB-KSBT ngày ... tháng ... năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục | Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3) | Hạn sử dụng (4) | Năm sản xuất(5) | Xuất xứ(6) | Số lượng/ khối lượng(7) | Đơn giá(8) (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan(9) (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có)(10) (VND) | Thành tiền(1) (VND) |
|-----|----------|---|--|-----------------|-----------------|------------|-------------------------|------------------|--|--------------------------------------|---------------------|
| 01 | | | | | | | | | | | |
| 02 | | | | | | | | | | | |
| 03 | | | | | | | | | | | |
| n | ... | | | | | | | | | | |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hoá chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hoá chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hoá chất xét nghiệm” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hoá chất xét nghiệm tương ứng với chủng loại ghi tại cột “Danh mục hoá chất xét nghiệm”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hạn sử dụng từng hoá chất.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hóa chất.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hoá chất.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hoá chất; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hoá chất. Đối với các hoá chất nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hoá chất.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hoá chất. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hoá chất (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.